

**THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**Tuần 22: từ ngày 12/01/2026 đến ngày 18/01/2026**

| THỨ<br>LỚP                            |       | Thứ 2                                                | Thứ 3                               | Thứ 4                                | Thứ 5                                              | Thứ 6                                         |
|---------------------------------------|-------|------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| K10-DVTY<br>P.E201                    | Sáng  | KT thịt và các sp khác (Duyên) 3                     | Trồng trọt cơ bản (Thọ) 4           | Trồng trọt cơ bản (Thọ) 4            |                                                    | Trồng trọt cơ bản (Thọ) 4                     |
|                                       | Chiều | Sinh hoạt lớp (Duyên) 1<br>KTNPTB cho lợn (Hưng) 3   | KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 4          | KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (Phượng) 4 | KTNPTB cho lợn (Hưng) 4                            | KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 4                    |
| K11-DVTY<br>P.E303                    | Sáng  |                                                      |                                     |                                      |                                                    |                                               |
|                                       | Chiều | Sinh hoạt lớp (Quyên) 1<br>KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 3 | KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (H.Nga) 4 | KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 4           | KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 4                          | KTNPTB cho lợn (Hưng) 4                       |
| K10-KTDN<br>K11-KTDN<br>P.E305        | Sáng  | Sinh hoạt lớp (Thuý) 1<br>Kế toán DN 1 (Dung) 3      | Tài chính DN (Thuý) 4               |                                      | Kế toán HCSN (P.Thảo) 4                            | Quản trị DN (Sơn)<br>Quản trị văn phòng (Hoa) |
|                                       | Chiều |                                                      |                                     | Tin học kế toán (Q.Mai) 4            |                                                    |                                               |
| <b>CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY</b> |       |                                                      |                                     |                                      |                                                    |                                               |
| TT64A1<br>P.B102                      | Sáng  |                                                      |                                     |                                      |                                                    |                                               |
|                                       | Chiều | Sinh hoạt lớp (Bình) 1<br>Cây ăn quả (Huệ) 3         | Kiểm dịch thực vật (Lịch) 4         | Chăn nuôi chuyên khoa (Nga) 4        | Cây ăn quả (Huệ) 4                                 | Kiểm dịch thực vật (Lịch) 4                   |
| TT65A1<br>P.B201                      | Sáng  | Sinh hoạt lớp (Hương) 1<br>Tiếng anh (Linh) 3        | Côn trùng CK (Huyền) 4              | Tiếng anh (Linh) 4                   | Côn trùng CK (Huyền) 4                             | Thủy nông (Bình) 4                            |
|                                       | Chiều |                                                      |                                     |                                      |                                                    |                                               |
| TT65A3<br>P.B102                      | Sáng  | Sinh hoạt lớp (Huyền) 1<br>Tiếng anh (Linh) 3        | Côn trùng CK (Hương) 4              | Tiếng anh (Linh) 4                   | Hoá BVTV (Huệ) 4                                   | Bệnh cây đại cương (Lịch) 4                   |
|                                       | Chiều |                                                      |                                     |                                      |                                                    |                                               |
| LN65A                                 | Sáng  | Sinh hoạt lớp (Lịch) 1<br>Tiếng anh (Linh) 3         | Thực vật - cây rừng (Hùng) 4        | Tiếng anh (Linh) 4                   | Tạo cây giống từ hạt (Tuyết) 4                     | Thực vật - cây rừng (Hùng) 4                  |
|                                       | Chiều |                                                      |                                     |                                      |                                                    |                                               |
| CN64A1<br>P.E203                      | Sáng  |                                                      |                                     |                                      |                                                    |                                               |
|                                       | Chiều | Sinh hoạt lớp (Hoà) 1<br>Ngoại sản (Vân) 3           | KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 4           | Ngoại sản (Vân) 4                    | Quản trị kinh doanh (Thuý) 2<br>Luật thú y (Nga) 2 | KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 4                     |

[illegible]

|                 |       |                               |   |                        |   |                            |   |                                |   |                                |   |
|-----------------|-------|-------------------------------|---|------------------------|---|----------------------------|---|--------------------------------|---|--------------------------------|---|
| <b>CNTT65A2</b> | Sáng  | <i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> | 1 | Tổ chức QLDN (Sơn)     | 2 | Cấu trúc máy tính (Hà)     | 4 | Cơ sở dữ liệu (Phương)         | 4 | Cấu trúc máy tính (Hà)         | 4 |
| <b>P.B204</b>   | Chiều | Cơ sở dữ liệu (Phương)        | 3 | Tiếng anh CN (Linh)    | 2 | Tiếng anh CN (Linh)        | 3 |                                |   |                                |   |
| <b>ĐCN64A1</b>  | Sáng  |                               |   |                        |   |                            |   |                                |   |                                |   |
| <b>P.E103</b>   | Chiều | <i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i>   | 1 |                        |   | Trang bị điện (Nga)        | 4 | Cung cấp điện (H.Anh)          | 4 | Thiết bị điện gia dụng (Dương) | 4 |
| <b>ĐCN64A2</b>  | Sáng  |                               |   |                        |   |                            |   |                                |   |                                |   |
| <b>P.E104</b>   | Chiều | <i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i>   | 1 |                        |   | Trang bị điện (Đ.Đức)      | 4 | Thiết bị điện gia dụng (Dương) | 4 | Cung cấp điện (P.Anh)          | 4 |
| <b>ĐCN64A3</b>  | Sáng  |                               |   |                        |   |                            |   |                                |   |                                |   |
| <b>P.E102</b>   | Chiều | <i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i>    | 1 |                        |   | Cung cấp điện (P.Anh)      | 4 | Cung cấp điện (P.Anh)          | 4 | Thiết bị điện gia dụng (Huân)  | 4 |
| <b>ĐCN 64B</b>  | Sáng  |                               |   |                        |   |                            |   |                                |   |                                |   |
| <b>P.E107</b>   | Chiều | <i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i>  | 1 |                        |   | Cung cấp điện (Nga)        | 4 | Trang bị điện (Đ.Đức)          | 4 | Trang bị điện (Đ.Đức)          | 4 |
| <b>ĐCN65A1</b>  | Sáng  | <i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i>  | 1 | Máy điện (Giáp)        | 4 | Đo lường điện (A.Đức)      | 4 | Máy điện (Giáp)                | 4 | G.D chính trị (Quế)            | 2 |
| <b>P.E303</b>   | Chiều | Khi cụ điện (Đ.Đức)           | 3 |                        |   |                            |   |                                |   | G.DTC (Hội)                    | 2 |
| <b>ĐCN65A2</b>  | Sáng  | <i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i>   | 1 | Máy điện (Tuấn)        | 4 | Vẽ KT điện (N.Đức)         | 4 | G.D chính trị (Quế)            | 2 | Máy điện (Tuấn)                | 4 |
| <b>P.E302</b>   | Chiều | Truyền động điện (Hoà)        | 3 |                        |   |                            |   | G.DTC (Thủy)                   | 2 |                                |   |
| <b>ĐCN65B1</b>  | Sáng  | <i>Sinh hoạt lớp (P.Anh)</i>  | 1 | Máy điện (Huân)        | 4 | Pháp luật (Nga)            | 4 | Truyền động điện (N.Đức)       | 4 | Khi cụ điện (Đ.Đức)            | 4 |
| <b>P.E308</b>   | Chiều | Đo lường điện (P.Anh)         | 3 |                        |   |                            |   |                                |   |                                |   |
| <b>ĐCN65B2</b>  | Sáng  | <i>Sinh hoạt lớp (H.Anh)</i>  | 1 | G.D chính trị (Tài)    | 2 | Máy điện (Giáp)            | 4 | Khi cụ điện (Đ.Đức)            | 4 | Máy điện (Giáp)                | 4 |
| <b>P.E301</b>   | Chiều | Đo lường điện (Nga)           | 3 | G.DTC (Hà)             | 2 |                            |   |                                |   |                                |   |
| <b>ĐCN65B3</b>  | Sáng  | <i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i>    | 1 | Máy điện (Tuấn)        | 4 | Truyền động điện (H.Anh)   | 4 | Máy điện (Tuấn)                | 4 | G.DTC (Thủy)                   | 2 |
| <b>P.E101</b>   | Chiều | Vậ liệ u điện (P.Anh)         | 3 |                        |   |                            |   |                                |   | G.D chính trị (Thắm)           | 2 |
| <b>TL64</b>     | Sáng  |                               |   |                        |   |                            |   |                                |   |                                |   |
| <b>P.E109</b>   | Chiều | <i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i>  | 1 |                        |   | TB diện trong HTTL (Huyền) | 4 | VHMB ly tâm và hỗn lưu (Hoà)   |   | Máy đóng mở cửa van (N.Đức)    | 4 |
| <b>TL65</b>     | Sáng  | <i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i>  | 1 | QLVH tưới tiêu (Huyền) | 4 | Pháp luật (Nga)            | 4 | Vẽ KT thuỷ lợi (N.Đức)         | 4 | QLVH tưới tiêu (Huyền)         | 4 |
| <b>P.E110</b>   | Chiều | Vẽ KT thuỷ lợi (N.Đức)        | 3 |                        |   |                            |   |                                |   |                                |   |

|         |       |                                                |        |                              |   |                        |                                                        |                                 |
|---------|-------|------------------------------------------------|--------|------------------------------|---|------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------|
| CBBQ64  | Sáng  |                                                |        |                              |   |                        |                                                        |                                 |
|         | Chiều | Sinh hoạt lớp (Liên)<br>CB khô thủy sản (Liên) | 1<br>3 | Kiểm tra chất lượng TS (Năm) | 3 | CB khô thủy sản (Liên) | Kiểm tra chất lượng TS (Năm)<br>CB khô thủy sản (Liên) | 3                               |
| CBBQ65  | Sáng  | Sinh hoạt lớp (Liên)<br>Vệ sinh XNCBTS (Liên)  | 1<br>3 | CB đồ hộp thủy sản (Năm)     | 4 | Pháp luật (Nga)        | Vệ sinh XNCBTS (Liên)                                  | 4<br>CB đồ hộp thủy sản (Năm)   |
|         | Chiều |                                                |        |                              |   |                        |                                                        |                                 |
| KTMTT64 | Sáng  |                                                |        |                              |   |                        |                                                        |                                 |
|         | Chiều | Sinh hoạt lớp (Năm)<br>Trang trí HDLTT (Đông)  | 1<br>3 | Trang trí HDLTT (Đông)       | 3 | Trang trí HDLTT (Đông) | Trang trí HDLTT (Đông)                                 | 3<br>Trang trí HDLTT (Đông)     |
| KTMTT65 | Sáng  | Sinh hoạt lớp (Năm)<br>Trực ca (Trung)         | 1<br>3 | KT điện - điện lạnh (Đông)   | 4 | Pháp luật (Nga)        |                                                        | Tiếng anh CN A1 (T.Nhung)       |
|         | Chiều |                                                |        |                              |   |                        |                                                        |                                 |
| NTTS64  | Sáng  |                                                |        |                              |   |                        |                                                        |                                 |
|         | Chiều | Sinh hoạt lớp (Liên)<br>Nuôi tôm sú TP (Ánh)   | 1<br>3 | Nuôi tôm sú TP (Ánh)         | 3 | Nuôi tôm sú TP (Ánh)   | Nuôi tôm sú TP (Ánh)                                   | 3<br>Nuôi tôm sú TP (Ánh)       |
| ĐKTB65  | Sáng  | Sinh hoạt lớp (Ánh)<br>Bảo vệ MT biển (Ánh)    | 1<br>3 | Thủy nghiệp (Tiền)           | 4 | Pháp luật (Nga)        | Địa văn hàng hải 1 (Trung)                             | 4<br>Địa văn hàng hải 1 (Trung) |
|         | Chiều |                                                |        |                              |   |                        |                                                        |                                 |

**CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN**

| THỨ<br>LỚP       |       | Thứ 6               |   | Thứ 7                                 |   | Chủ nhật                    |   |
|------------------|-------|---------------------|---|---------------------------------------|---|-----------------------------|---|
| TT64A2           | Sáng  |                     |   | Sinh hoạt lớp (Lịch)                  | 1 | Chăn nuôi CK (Hoà)          | 4 |
|                  | Chiều |                     |   | Kiểm dịch TV (Lịch)                   | 3 |                             |   |
| TT64A3<br>P.B204 | Sáng  |                     |   | Cây ăn quả (Hương)                    | 4 | Cây ăn quả (Hương)          | 4 |
|                  | Chiều |                     |   | Sinh hoạt lớp (Huệ)                   | 1 | Cây ăn quả (Hương)          | 4 |
| TT65A2<br>P.B204 | Sáng  | Pháp luật (Huyền)   | 2 | Cây ăn quả (Hương)                    | 3 |                             |   |
|                  | Chiều | GDTC (Hà)           | 2 | Kiểm dịch TV (Huyền)                  | 4 | Chăn nuôi CK (H. Nga)       | 4 |
| CN64A2<br>P.B205 | Sáng  | Tiếng anh (K.Nhung) | 4 | Sinh hoạt lớp (Huệ)                   | 1 | Sinh lý thực vật (Huyền)    | 4 |
|                  | Chiều |                     |   | GD chính trị (Quế)                    | 3 |                             |   |
| CN64A2<br>P.B205 | Sáng  |                     |   | Tin học (Tâm)                         | 4 | Đất trồng - phân bón (Lịch) | 4 |
|                  | Chiều |                     |   | Sinh hoạt lớp (Phượng)                | 1 | Ngoại sản (Hưng)            | 4 |
| CN64A2<br>P.B205 | Sáng  |                     |   | KT thịt và các sản phẩm khác (Phượng) | 4 |                             |   |
|                  | Chiều |                     |   | Trồng trọt cơ bản (Huệ)               | 4 | Quản trị kinh doanh (Thúy)  | 4 |

|                  |       |                     |   |                        |   |                        |   |
|------------------|-------|---------------------|---|------------------------|---|------------------------|---|
| CN65A2<br>P.B205 | Sáng  | Pháp luật (Huyền)   | 2 | Sinh hoạt lớp (Phượng) | 1 | GPSL vật nuôi (Hằng)   | 4 |
|                  |       | GDTC (Hà)           | 2 | GD chính trị (Quế)     | 3 |                        |   |
|                  | Chiều | Tiếng anh (K.Nhung) | 4 | Tin học (Tâm)          | 4 | Giống vật nuôi (Quyên) | 4 |

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



\* Đoàn Văn Lưu



**THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
Từ ngày 12/01/2026 đến ngày 18/01/2026

| THỨ<br>LỚP       |       | Thứ 2                                     | Thứ 3                                 | Thứ 4                                 | Thứ 5                                     | Thứ 6                                     |
|------------------|-------|-------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| VH63B1           | Sáng  | <i>HĐTN (Nhưng)</i> 1<br>Địa lý (Thuý) 3  | Hoá học (Doan) 2<br>Ngữ văn (Hằng) 2  | Toán (Nhưng) 2<br>GDKT và PL (Thuý) 2 | Lịch sử (Hà) 4                            | Vật lý (Son) 4                            |
|                  | Chiều |                                           | <i>Toán (Nhưng)</i> 2                 | <i>Ngữ văn (Hằng)</i> 2               | <i>GDKT và PL (Thuý)</i> 2                |                                           |
| VH63B3<br>P.B302 | Sáng  | <i>HĐTN (Hà)</i> 1<br>Hoá học (Hà) 3      | Toán (Quý) 2<br>Sinh học (Phượng) 2   | Lịch sử (Dự) 2<br>GDKT và PL (Quế) 2  | Toán (Quý) 2<br>Địa lý (Lực) 2            | Ngữ văn (Hằng) 4                          |
|                  | Chiều | <i>Lịch sử (Dự)</i> 2                     | <i>Toán (Quý)</i> 2                   | <i>Ngữ văn (Hằng)</i> 2               | <i>GDKT và PL (Quế)</i> 2                 |                                           |
| VH63B4<br>P.B303 | Sáng  | <i>HĐTN (Dự)</i> 1<br>Lịch sử (Dự) 3      | Toán (Nhưng) 2<br>Ngữ văn (H.Hà) 2    | Hoá học (Vân) 2<br>Ngữ văn (H.Hà) 2   | Địa lý (Lực) 2<br>Sinh học (Phượng) 2     | GDKT và PL (Quyên) 2<br>Toán (Nhưng) 2    |
|                  | Chiều | <i>Toán (Nhưng)</i> 2                     | <i>Ngữ văn (H.Hà)</i> 2               | <i>Lịch sử (Dự)</i> 2                 | <i>GDKT và PL (Quyên)</i> 2               |                                           |
| VH63B6<br>P.B304 | Sáng  | <i>HĐTN (Hoà)</i> 1<br>Vật lý (Hoà) 3     | Ngữ văn (Hường) 2<br>Toán (Nhưng) 2   | Lịch sử (Lý) 2<br>Địa lý (Lực) 2      | GDKT và PL (Tài) 2<br>Ngữ văn (Hường) 2   | Toán (Nhưng) 2<br>Hoá học (Vân) 2         |
|                  | Chiều | <i>GDKT và PL (Tài)</i> 2                 | <i>Lịch sử (Lý)</i> 2                 | <i>Toán (Nhưng)</i> 2                 | <i>Ngữ văn (Hường)</i> 2                  |                                           |
| VH63B7<br>P.B305 | Sáng  | <i>HĐTN (Nga)</i> 1<br>GDKT và PL (Nga) 3 | Ngữ văn (H.Hà) 2<br>Toán (Quý) 2      | Ngữ văn (H.Hà) 2<br>Lịch sử (Lý) 2    | Hoá học (Vân) 2<br>Toán (Quý) 2           | Vật lý (Hoà) 2<br>Địa lý (Ngọc) 2         |
|                  | Chiều | <i>Địa lý (Ngọc)</i> 2                    | <i>GDKT và PL (Nga)</i> 2             | <i>Ngữ văn (H.Hà)</i> 2               | <i>Toán (Quý)</i> 2                       |                                           |
| VH63B8<br>P.B301 | Sáng  | <i>HĐTN (K.Nhưng)</i> 1<br>Toán (Quý) 3   | Sinh học (Phượng) 2<br>Lịch sử (Dự) 2 | Địa lý (Lực) 2<br>Vật lý (Hoà) 2      | Ngữ văn (Hường) 2<br>GDKT và PL (Quyên) 2 | Ngữ văn (Hường) 2<br>GDKT và PL (Quyên) 2 |
|                  | Chiều | <i>GDKT và PL (Quyên)</i> 2               | <i>Ngữ văn (Hường)</i> 2              | <i>Toán (Quý)</i> 2                   | <i>Lịch sử (Dự)</i> 2                     |                                           |

|                                 |       |                                       |        |                                     |        |                                       |        |                                                                    |                  |
|---------------------------------|-------|---------------------------------------|--------|-------------------------------------|--------|---------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>VH64B1</b>                   | Sáng  | <b>HĐTN (Hằng)</b><br>Vật lý (Sơn)    | 1<br>3 | Ngữ văn (Hằng)<br>Hoá học (Doan)    | 2<br>2 | Địa lý (Thuỷ)<br>GDKT và PL (Thuỷ)    | 4<br>2 | Ngữ văn (Hằng)<br>Lịch sử (Hà)                                     | 2<br>4           |
|                                 | Chiều |                                       |        |                                     |        |                                       |        |                                                                    |                  |
| <b>VH64B3</b><br><b>P.B306</b>  | Sáng  | <b>HĐTN (Vân)</b><br>Ngữ văn (Chi)    | 1<br>3 | Lịch sử (Dự)<br>Hoá học (Vân)       | 2<br>2 | Vật lý (Hoà)<br>Toán (Dương)          | 2<br>2 | Địa lý (Thuỷ)<br>GDKT và PL (Quyên)<br>Toán (Dương)                | 4<br>2<br>2      |
| <b>VH64B4</b><br><b>P.E201</b>  | Sáng  | <b>HĐTN (H.Nga)</b><br>Địa lý (Nga)   | 1<br>3 | GDKT và PL (Thắm)<br>Vật lý (Trung) | 2<br>2 | Ngữ văn (Hà)<br>Toán (Nhưng)          | 4<br>4 | GDKT và PL (Thắm)<br>Hoá học (Hà)                                  | 2<br>2           |
| <b>VH64B5</b><br><b>P.E202</b>  | Sáng  | <b>HĐTN (Dương)</b><br>Toán (Dương)   | 1<br>3 | Địa lý (Lực)<br>GDKT và PL (Quyên)  | 2<br>2 | Toán (Dương)<br>GDKT và PL (Quyên)    | 2<br>2 | Ngữ văn (Chi)<br>Hoá học (Hà)<br>Vật lý (Hoà)                      | 4<br>2<br>2      |
| <b>VH64B6</b><br><b>P. E204</b> | Sáng  | <b>HĐTN (H. Hà)</b><br>Ngữ văn (H.Hà) | 1<br>3 | GDKT và PL (Quyên)<br>Địa lý (Lực)  | 2<br>2 | Hoá học (Hà)<br>Toán (Quý)            | 2<br>2 | Sinh học (Phượng)<br>Ngữ văn (H.Hà)<br>Toán (Quý)                  | 2<br>2<br>2      |
| <b>VH64B8</b><br><b>P.E203</b>  | Sáng  | <b>HĐTN (Phiên)</b><br>Ngữ văn (Lý)   | 1<br>3 | Hoá học (Vân)<br>Lịch sử (Dự)       | 2<br>2 | Sinh học (Phượng)<br>GDKT và PL (Tài) | 2<br>2 | CĐ Ngữ văn (H.Hà)<br>CĐ Lịch sử (Dự)<br>Địa lý (Lực)               | 2<br>2<br>2      |
| <b>VH65B1</b>                   | Chiều | <b>HĐTN (Thuỷ)</b><br>Toán (Hương)    | 1<br>3 | Địa lý (Thuỷ)<br>Hoá học (Doan)     | 4<br>4 | GDKT và PL (Thuỷ)<br>Ngữ văn (Hằng)   | 2<br>2 | Lịch sử (Hà)                                                       | 4                |
| <b>VH65B2</b><br><b>P.E302</b>  | Chiều | <b>HĐTN (Quyên)</b><br>Ngữ văn (H.Hà) | 1<br>3 | Vật lý (Trung)<br>Lịch sử (Dự)      | 2<br>2 | Địa lý (Thuỷ)<br>GDKT và PL (Quyên)   | 2<br>2 | Toán (Dương)<br>Hoá học (Hà)<br>Địa lý (Thuỷ)<br>Toán (Dương)      | 2<br>2<br>2<br>2 |
| <b>VH65B3</b><br><b>P.E301</b>  | Chiều | <b>HĐTN (Quý)</b><br>Toán (Quý)       | 1<br>3 | Lịch sử (Dự)<br>Vật lý (Trung)      | 2<br>2 | Hoá học (Vân)<br>GDKT và PL (Thắm)    | 2<br>2 | Ngữ văn (Lý)<br>Toán (Quý)<br>GDKT và PL (Thắm)<br>CĐ Lịch sử (Dự) | 2<br>2<br>2<br>2 |
| <b>VH65B4</b><br><b>P.E101</b>  | Chiều | <b>HĐTN (Mạnh)</b><br>Ngữ văn (Hường) | 1<br>3 | Hoá học (Vân)<br>Toán (Quý)         | 2<br>2 | Vật lý (Hoà)<br>Lịch sử (Dự)          | 2<br>2 | GDKT và PL (Nga)<br>Vật lý (Hoà)<br>Ngữ văn (Hường)<br>Toán (Quý)  | 2<br>2<br>2<br>2 |
| <b>VH65B5</b><br><b>P.B205</b>  | Chiều | <b>HĐTN (Lực)</b><br>Địa lý (Lực)     | 1<br>3 | Ngữ văn (Hà)                        | 4      | GDKT và PL (Nga)<br>Sinh học (Phượng) | 2<br>2 | Vật lý (Hoà)<br>Toán (Dương)<br>GDKT và PL (Nga)                   | 2<br>2<br>2      |

|                                 |       |                                           |        |                                  |        |                                    |                                        |                                   |                                       |                                  |        |
|---------------------------------|-------|-------------------------------------------|--------|----------------------------------|--------|------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|--------|
| <b>VH65B6</b><br><b>P.B204</b>  | Chiều | <b>HĐTN (Linh)</b><br>GDKT và PL (Thắm)   | 1<br>3 | Ngữ văn (Chi)                    | 4      |                                    | GDKT và PL (Thắm)<br>Sinh học (Phượng) | 2<br>2                            | Vật lý (Trung)<br>Ngữ văn (Chi)       | 2<br>2                           |        |
| <b>VH65B7</b><br><b>P.B104</b>  | Chiều | <b>HĐTN (Phượng)</b><br>Sinh học (Phượng) | 1<br>3 |                                  |        | Vật lý (Trung)<br>GDKT và PL (Nga) | 2<br>2                                 | Sinh học (Phượng)<br>Ngữ văn (Lý) | 2<br>2                                | GDKT và PL (Nga)<br>Ngữ văn (Lý) | 2<br>2 |
| <b>VH65B8</b><br><b>P.B202</b>  | Chiều | <b>HĐTN (Hường)</b><br>Ngữ văn (Hường)    | 1<br>3 | GDKT và PL (Quế)<br>Địa lý (Lực) | 2<br>2 | Sinh học (Phượng)<br>Hoá học (Hà)  | 2<br>2                                 |                                   | Ngữ văn (Hường)<br>GDKT và PL (Quế)   | 2<br>2                           |        |
| <b>VH65B9</b><br><b>P.B203</b>  | Chiều | <b>HĐTN (Hồng)</b><br>Ngữ văn (Chi)       | 1<br>3 | Sinh học (Hồng)<br>Hoá học (Hà)  | 2<br>2 | Ngữ văn (Chi)                      | 4                                      |                                   | Ngữ văn (Chi)<br>CD GDKT và PL (Thắm) | 2<br>2                           |        |
| <b>VH65B10</b><br><b>P.B103</b> | Chiều | <b>HĐTN (Thắm)</b><br>Vật lý (Hoà)        | 1<br>3 | Toán (Dương)<br>Lịch sử (Dự)     | 2<br>2 | Sinh học (Hồng)<br>Địa lý (Thủy)   | 2<br>2                                 | Toán (Dương)<br>GDKT và PL (Thắm) | 2<br>2                                | Ngữ văn (Lý)<br>Địa lý (Thủy)    | 2<br>2 |
| <b>VH65B11</b><br><b>P.B201</b> | Chiều | <b>HĐTN (Quế)</b><br>GDKT và PL (Quế)     | 1<br>3 | Địa lý (Nga)<br>Toán (Dương)     | 2<br>2 | Ngữ văn (Hà)                       | 4                                      | Hoá học (Vân)<br>Sinh học (Hồng)  | 2<br>2                                | GDKT và PL (Quế)<br>Toán (Dương) | 2<br>2 |

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Đoàn Văn Lưu**